

ĐÀO TẠO LUẬT ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG Ở VIỆT NAM: MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ

VÕ KHÁNH LINH*

Tóm tắt: Đào tạo luật chú trọng cho người học kỹ năng mềm, kỹ năng thực hành pháp luật, trải nghiệm thực tiễn bên cạnh giờ học lý thuyết là một trong những nỗ lực của các trường luật để khẳng định chất lượng và uy tín đối với xã hội. Để làm được điều đó cần xây dựng một chương trình đào tạo luật định hướng ứng dụng (ĐTLĐHUD) với những mục tiêu cụ thể. Bài viết cung cấp một cái nhìn khái quát về ĐTLĐHUD có tính chất khuyến nghị đối với các trường luật đang chú trọng với định hướng đào tạo ứng dụng ở bậc cử nhân.

Từ khóa: Đào tạo luật định hướng ứng dụng; chương trình đào tạo luật; chương trình đào tạo luật định hướng ứng dụng; giáo dục thực hành pháp luật.

Abstract: In order to demonstrate their qualities and credibility to society, law schools (or legal training institutions) in Vietnam have made efforts to provide its learners with soft skills, legal practice skills, and practical experience in addition to theoretical knowledge. Thus, it is necessary to create an application-oriented training program for legal specialty education with specific goals and targets. This article will provide an overview of an application-oriented training program for legal specialty education, which can serve as a recommendation for law schools (or legal training institutions) focused on application legal training at the undergraduate level.

Keywords: Application legal training; application-oriented legal training program; legal education program; legal practice education.

Ngày nhận bài: 15/10/2023; Ngày sửa bài: 10/11/2023; Ngày duyệt đăng bài: 27/12/2023.

Đặt vấn đề

Tính/khả năng ứng dụng là một trong những yếu tố cần được bảo đảm trong định hướng phát triển của cơ sở đào tạo, trong công tác đào tạo và công tác nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ¹. Với cơ sở pháp lý đó, tính/khả năng ứng dụng được thể hiện trong công tác đào tạo đại học thông qua: (1) cơ sở để xác định mục tiêu phát triển, định hướng hoạt động của một trường đại học; (2) cơ sở để xác định định hướng của một chương trình đào tạo

(CTĐT); (3) là yêu cầu không thể thiếu trong một CTĐT, bất kể định hướng của chương trình này là gì.

Hiện nay đào tạo luật đang gặp một số sức ép: (1) quy mô đào tạo luật được cho là đang trong giai đoạn bão hòa về số lượng khi có đến 108 cơ sở đào tạo luật; (2) yêu cầu khắt khe của Chính phủ trong kiểm soát và nâng cao chất lượng đào tạo luật² theo tinh thần nghị quyết của Đảng; (3) số CTĐT luật đáp ứng kiểm định chất lượng đào tạo mới chỉ có 40 chương trình³ từ 39 cơ

* TS., Trường Đại học Thăng Long; Email: linhvk@thanglong.edu.vn

¹ Điều 5.1.b; Điều 5.2.b; Điều 7.4; Điều 12.3; Điều 12.6; Điều 36.1.b; Điều 39.1; Điều 40.2; Điều 55.2; Điều 68.2.g Luật giáo dục đại học năm 2018.

² Nghị quyết số 77/NQ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới, nhóm giải pháp thứ tư có ghi rõ “Nâng cao chất lượng đào tạo nhân lực tư pháp; rà soát, sắp xếp hợp lý các cơ sở đào tạo cử nhân luật...”. Thủ tướng Chính phủ tiếp tục ban hành Quyết định số 1056/QĐ-TTg ngày 13/9/2023 về việc phê duyệt “Chương trình tăng cường kiểm soát và nâng cao chất lượng đào tạo cử nhân luật giai đoạn 2023 - 2030”.

³ Theo Danh sách các chương trình đào tạo được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục của Cục Quản lý chất lượng (Bộ Giáo dục & Đào tạo) cập nhật đến ngày 30/9/2023. Xem: <https://vqa.moet.gov.vn/vi/thong-bao-quan-ly-bao-dam/thong-bao/danh-sach-cac-chuong-trinh-dao-tao-duoc-danh-gia-cong-nhan-cap-nhat-den-ngay-30-9-2023-26.html> (truy cập lần cuối: 11/10/2023).

sở đào tạo luật trên cả nước. Như vậy, tồn tại một nghịch lý trong đào tạo luật ở Việt Nam hiện nay đó là: *chất lượng đào tạo luật chưa song hành cùng với số lượng cơ sở đào tạo luật* (xét từ quy chiếu coi chất lượng là đạt tiêu chuẩn chất lượng khi kiểm định).

Vấn đề nâng cao chất lượng đào tạo luật đã được Mạng lưới các cơ sở đào tạo luật ở Việt Nam (VLSN) khuyến nghị với các thành viên tham gia mạng lưới qua nhiều diễn đàn⁴. Quan điểm thống nhất về nâng cao chất lượng đào tạo luật đó là phải bảo đảm tính ứng dụng, có định hướng nghề nghiệp rõ ràng để cử nhân luật nhanh chóng tiếp cận với thị trường việc làm. Nghiên cứu này tập trung vào phân tích các mục tiêu cơ bản và các trụ cột chính của CTĐT luật theo định hướng ứng dụng và đưa ra một số khuyến nghị cụ thể.

1. Tính ứng dụng cần được xác định là triết lý và định hướng của một chương trình đào tạo luật

Xác định định hướng đào tạo đang dần trở thành một điều kiện bắt buộc khi xây dựng mục tiêu của CTĐT luật⁵ và phải thể hiện rõ triết lý trong việc đào tạo cử nhân luật. Định hướng đào tạo của các trường luật ở Việt Nam có 02 xu hướng: (i) nêu rõ đào tạo theo định hướng ứng dụng⁶ hoặc định hướng nghề nghiệp ứng dụng⁷; (ii) không nêu rõ định hướng nghiên cứu hay ứng dụng mà gián tiếp thể hiện sự dung hòa của hai định hướng. Xu hướng thứ hai đang rất phổ biến, phần nào cho thấy sự

mông lung trong triết lý và định hướng đào tạo của một số trường. Mặc dù vậy nhiều trường luôn nhấn mạnh việc đào tạo gắn với thực tiễn cùng nhiều hoạt động trải nghiệm nghề nghiệp như là một thế mạnh để thu hút tuyển sinh. Điều này cho thấy, xu hướng đào tạo luật theo định hướng ứng dụng đang là thứ mà nhiều trường luật hướng tới, dù rằng họ có khẳng định mình đào tạo theo định hướng ứng dụng hay không.

Triết lý và định hướng đào tạo luật ứng dụng có một số điểm đặc thù khác với cách đào tạo truyền thống như sau:

Mục tiêu về kiến thức (chuẩn đầu ra kiến thức). Trọng tâm của chương trình ĐTLĐHUĐ cần được xác định là *không đặt nặng đào tạo người học để nghiên cứu giải quyết các vấn đề lý thuyết, lý luận về pháp luật, đồng thời việc giảng dạy các kiến thức có tính chất hàn lâm cao không phải là ưu tiên hàng đầu*. Trong thực tế, khoảng 3 - 8% tổng số sinh viên luật tốt nghiệp theo đuổi con đường nghiên cứu chuyên nghiệp đã là con số khả quan, phần còn lại sinh viên luật sẽ hành nghề luật là chủ yếu⁸. Tuy nhiên điều này không đồng nghĩa việc xem nhẹ, bỏ qua đào tạo và nghiên cứu lý thuyết. Chương trình ĐTLĐHUĐ vẫn phải bảo đảm khối lượng tín chỉ cần thiết để trang bị kiến thức lý thuyết nền tảng cho người học, cùng với đó kiến thức lý thuyết quá chuyên sâu nên lược bỏ trong một chừng mực đáng kể.

⁴ VLSN đã lựa chọn chủ đề “Kiểm định chất lượng đào tạo đối với các cơ sở đào tạo luật của Việt Nam” và “Bộ tiêu chuẩn xây dựng chương trình khung đào tạo luật” lần lượt là nội dung Hội thảo và Tọa đàm trong Chương trình Hội nghị Mạng lưới lần thứ hai vào ngày 24 - 27/7/2020. Tháng 3/2023, VLSN cùng một số trường thành viên tổ chức Hội thảo khoa học về chủ đề “Nâng cao chất lượng đào tạo luật ở Việt Nam hiện nay” (tại Trường Đại học Cần Thơ).

⁵ Hội đồng tư vấn xây dựng chuẩn chương trình đào tạo khối ngành pháp luật (2023), Dự thảo chuẩn chương trình đào tạo khối ngành pháp luật trình độ đại học. Dự thảo yêu cầu các cơ sở đào tạo phải cụ thể hóa mục tiêu của chương trình đào tạo luật là “*phải thể hiện được định hướng đào tạo của chương trình đào tạo (định hướng nghiên cứu, định hướng ứng dụng hoặc định hướng nghề nghiệp)*” tại mục 2.1.2.

⁶ Xem: Trường Đại học Thăng Long (2022), Chương trình đào tạo ngành Luật Kinh tế; Trường Đại học Văn Lang (2022), Chương trình đào tạo ngành Luật Kinh tế Luật.

⁷ Xem: Chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Kinh doanh định hướng nghề nghiệp ứng dụng của Trường Đại học Kinh tế quốc dân. Chương trình này là sản phẩm của Chương trình giáo dục Đại học theo định hướng ứng dụng (Profession-Oriented Higher Education - POHE) thuộc Dự án Giáo dục Đại học Việt Nam - Hà Lan từ năm 2005.

⁸ Lê Vũ Nam, Trương Trọng Hiếu (2023), *Giáo dục tiếp cận lý thuyết của vấn đề pháp lý và đào tạo kỹ năng nghề cho sinh viên luật*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học Nâng cao chất lượng đào tạo luật ở Việt Nam hiện nay, Trường Đại học Cần Thơ, tr. 125.

Mục tiêu về kỹ năng (chuẩn đầu ra kỹ năng). Đây là mục tiêu quan trọng nhất của chương trình ĐTLĐHUĐ. Nhà tuyển dụng luôn mất thời gian “đào tạo lại” do cử nhân luật thiếu thôn kỹ năng là thực trạng phổ biến hiện nay. Vì vậy, CTĐT luật cần có sự dung hòa phù hợp giữa khối kiến thức lý thuyết và khối kiến thức kỹ năng hành nghề. Black-Branch J.L. đã đưa ra quan điểm về một CTĐT luật hiện đại là nên tăng cường với đào tạo luật gắn kết với nghề luật qua một hệ thống hoạt động giáo dục thực hành pháp luật hiệu quả thay cho việc quá chú trọng vào khối kiến thức lý thuyết hàn lâm cao siêu⁹.

Mục tiêu định hướng nghề nghiệp. Vị trí việc làm của ngành luật thường được các CTĐT luật mô tả: (i) khối công việc mọi cử nhân luật đều có thể tiếp cận được và (ii) khối công việc đặc thù mà người học có thể tiếp cận được do lợi thế của cơ sở đào tạo¹⁰. Cơ hội việc làm của người học luật khá rộng mở trong khu vực công và tư là một trong những yếu tố làm gia tăng cơ sở đào tạo luật trong vài năm trở lại đây, và xu hướng này đang được nhìn nhận như là hoạt động “chú trọng chiếm ‘thị phần’ hơn là bảo đảm chất lượng, tư duy pháp lý trong đào tạo”¹¹. Thiết nghĩ, “cần phải định hướng đào tạo sinh viên của mình ra trường có khả năng tiếp cận vị trí việc làm ở một khu vực việc làm cụ thể, lấy đó làm thế mạnh/lợi thế của mình, thay vì nghĩ đến việc sinh viên của mình có thể tiếp cận vị trí việc làm một cách dàn trải”¹².

2. Các trụ cột của chương trình đào tạo luật định hướng ứng dụng

Đào tạo đại học một chuyên ngành cụ thể đều phải trả lời cho 03 câu hỏi chính: (i) Đào tạo cái gì? (ii) Ai đào tạo? và (iii) Đào tạo như thế nào? ĐTLĐHUĐ cũng cần dựa trên ba trụ cột này, tùy vào điều kiện của mình để triển khai từng trụ cột đó hiệu quả nhất.

2.1. Đào tạo luật định hướng ứng dụng - đào tạo cái gì?

“Đào tạo cái gì?” trả lời cho câu hỏi những gì sẽ được giảng dạy trong thời gian sinh viên ngồi ở ghế nhà trường. Những gì được giảng dạy không chỉ là các môn học trong CTĐT mà còn cả các hoạt động giáo dục thực hành pháp luật cho sinh viên. Như đã nói, chương trình ĐTLĐHUĐ cần đề cao mục tiêu chuẩn đầu ra về kỹ năng, vì vậy vấn đề then chốt trong “đào tạo cái gì?” của một chương trình ĐTLĐHUĐ là *sẽ thiết kế các môn học, nội dung của môn học như thế nào và các hoạt động ngoài lớp học nào cho sinh viên để rèn luyện và thực hành các kỹ năng?* Nghiên cứu này đưa ra một số quan điểm như sau:

Thứ nhất, thiết kế các môn học luật ưu tiên phát triển kỹ năng cho sinh viên. Hiện nay có quan điểm cho rằng xu hướng truyền đạt các quy định về luật thực định “càng nhiều càng tốt” chưa phải là phương pháp tối ưu để việc dạy - học gắn với thực tiễn¹³. Tác giả ủng hộ với quan điểm này

⁹ Black-Branch, J.L. (2016), *Modern Legal Education: Towards Practice-Ready Attitudes, Attributes and Professionalism*, Manitoba Law Journal, 39(01), page. 04.

¹⁰ Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội nêu rõ lợi thế công tác của người học khi tốt nghiệp ngành luật là “*Công tác tại Viện kiểm sát nhân dân các cấp, Viện kiểm sát quân sự các cấp*”; Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam trực thuộc Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh xác định cơ hội việc làm (đặc thù) của ngành luật trong chương trình đào tạo là “*làm việc trong tổ chức Đoàn TNCS Hồ Chí Minh các cấp từ trung ương đến địa phương*”.

¹¹ Viên Thế Giang (2019), *Nhận diện những rào cản cho việc đổi mới tư duy pháp lý từ thực tiễn đào tạo cử nhân ngành luật ở Việt Nam*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học Tiếp tục đổi mới tư duy pháp lý phục vụ sự nghiệp phát triển đất nước, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, tr. 647.

¹² Võ Khánh Linh (2023), *Đào tạo luật tại trường đại học tư ở Việt Nam: thách thức và triển vọng*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học “*Nâng cao chất lượng đào tạo luật ở Việt Nam hiện nay*”, Trường Đại học Cần Thơ, tr. 60.

¹³ Phan Trung Hiền, Nguyễn Đắc Thắng (2023), *Nâng cao chất lượng đào tạo cử nhân luật ở Việt Nam hiện nay - từ thực tiễn Khoa Luật*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học “*Nâng cao chất lượng đào tạo luật ở Việt Nam hiện nay*”, Trường Đại học Cần Thơ, tr. 15.

bởi lẽ thông qua các môn luật sinh viên tiếp thu được không chỉ sự hiểu biết về các điều luật mà còn các kỹ năng đọc, hiểu, vận dụng điều luật vào thực tiễn. Vì vậy, các môn học luật cần xác định rõ chuẩn đầu ra về kiến thức và *ưu tiên một cách đáng kể các chuẩn đầu ra về kỹ năng*. Để bảo đảm được chuẩn đầu ra này, các môn học cần được thiết kế nhiều giờ thảo luận, thực hành, các phương pháp dạy - học giàu thực tiễn thông qua tình huống pháp luật và hoạt động giáo dục thực hành pháp luật cũng như các phương pháp kiểm tra đánh giá kỹ năng.

Thứ hai, giảm tỉ trọng môn học luật là vấn đề có thể cân nhắc. Cần tránh tư duy dạy càng nhiều luật càng tốt bởi pháp luật trải đều các lĩnh vực xã hội nên không thể giúp người học biết hết các luật. Dạy - học các môn luật phải hướng sinh viên tới mục tiêu nắm được “hạt nhân”, nguyên lý cơ bản của luật để vận dụng và thích ứng khi luật thay đổi, chứ không phải dạy - học càng nhiều chế định trong luật càng tốt. Giảm tỉ trọng các môn luật là điều kiện đưa vào đào tạo các môn học kỹ năng, thực hành định hướng nghề nghiệp mà không phải tăng khối lượng tín chỉ trong CTĐT.

Thứ ba, học liệu phù hợp với định hướng đào tạo luật ứng dụng. Nhiều trường luật hiện nay thường có xu hướng sử dụng bộ giáo trình của một số trường trọng điểm quốc gia, của vùng về đào tạo luật. Tuy nhiên nhiều tài liệu là công trình nghiên cứu hàn lâm, phù hợp với việc đào tạo chuyên sâu lý thuyết, vì vậy việc sử dụng các giáo trình này cho một lối đào tạo ứng dụng liệu chẳng có “khập khiễng” khi xét về mặt tổng thể? ĐTLĐHUD cần sử dụng hệ thống tài liệu có cách tiếp cận dễ hiểu về lý thuyết và thiên hướng về bài tập, thực hành.

Thứ tư, cần xây dựng một số môn học đột phá nhằm tạo nên đặc sắc và lợi thế cạnh tranh riêng cho sinh viên. Đầu tiên là

các học phần củng cố tư duy pháp lý, có thể kể đến như “Học thuyết pháp lý”, “Tư duy pháp lý”, “Đạo đức nghề luật” đang được một số trường luật hàng đầu ở Việt Nam đưa vào chương trình đào tạo và đang là khuyến nghị trong Dự thảo chuẩn chương trình đào tạo khối ngành pháp luật trình độ đại học. Tiếng anh pháp lý cũng là môn học cần sớm phổ biến trong CTĐT luật. Tuy vậy, các cơ sở đào tạo luật mới rất khó triển khai đào tạo tiếng anh pháp lý vì nhiều lý do: (i) thiết kế tiếng anh pháp lý phù hợp với CTĐT và nhu cầu xã hội là rất khó; (ii) nguồn lực giảng viên giảng dạy tiếng anh pháp lý chưa nhiều; (iii) năng lực tiếng anh của người học chưa đồng đều, dẫn đến trong một số trường hợp, môn học tiếng anh pháp lý trở thành “rào cản” khiến cho sinh viên khó hoàn thành và ra trường đúng hạn.

Thứ năm, cần xây dựng và đa dạng hóa các môn học kỹ năng. Ở Hoa Kỳ, kỳ thi tuyển sinh trường Luật (Law School Admission Test - LSAT) giúp cho các trường luật có thể tuyển được những ứng viên phù hợp khi mà bài kiểm tra của kỳ thi này tập trung đánh giá các kỹ năng/khả năng lập luận logic, phản biện, viết... Với cách thức này, họ tận dụng được những kỹ năng sẵn có của sinh viên, từ đó nâng cấp trong quá trình đào tạo sau này, vì vậy chất lượng cử nhân luật rất cao. Mặc dù phương thức tuyển sinh đại học ở Việt Nam đã được mở rộng¹⁴, tuy vậy mức độ sàng lọc những người học có kỹ năng phù hợp với việc học luật vẫn chưa thể đáp ứng nên chất lượng đào tạo các kỹ năng nghề luật vẫn chưa đạt được hiệu quả cao. Một số kỹ năng cơ bản cần được các trường luật tập trung đó là: (i) kỹ năng nhận diện các vấn đề pháp lý, bao gồm xác định vấn đề pháp lý, phân tích vấn đề, đề xuất giải pháp pháp lý; (ii) kỹ năng phân tích tình huống để giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh thông qua việc giải quyết các tình huống minh họa hoặc bình luận án; (iii) kỹ năng bình luận bản án

¹⁴ Xem: Phần 3 Phụ lục I kèm theo Công văn 1919/BGDĐT-GDĐH ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Qua đó, Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định có 20 phương thức xét tuyển kì thi trung học phổ thông quốc gia năm 2023.

để giải quyết, đánh giá các vấn đề lý luận và thực tiễn pháp lý phát sinh¹⁵. Qua đó, có thể thiết kế các môn học kỹ năng theo những hướng như sau: (i) kỹ năng theo nghề nghiệp (luật sư, cán bộ tư pháp...); (ii) kỹ năng nghe, nói, đọc, viết của một nghề luật cụ thể; (iii) kỹ năng theo từng lĩnh vực luật (tư vấn theo các lĩnh vực pháp luật); (iv) kỹ năng tư duy và giải quyết vấn đề pháp lý. Tùy thuộc đặc thù và quan điểm thì mỗi trường luật sẽ có phương án thiết kế phù hợp.

Thứ sáu, cơ sở đào tạo cần thường xuyên chỉnh sửa, cập nhật CTĐT luật để phù hợp với xu thế, đáp ứng với yêu cầu của thị trường việc làm. Việc chỉnh sửa, cập nhật chương trình đào tạo, một mặt vừa đáp ứng yêu cầu của Bộ Giáo dục & Đào tạo¹⁶, mặt khác vừa là động lực thúc đẩy cơ sở đào tạo luật cập nhật, đổi mới chương trình cho người học.

2.2. Đào tạo luật định hướng ứng dụng - ai đào tạo?

“Ai đào tạo?” chính là nguồn lực. Ở nghĩa hẹp, nguồn lực là đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý, tổ chức triển khai chương trình đào tạo. Ở nghĩa rộng, nguồn lực còn bao hàm triết lý đào tạo, cách thức tổ chức, quản lý và điều kiện bảo đảm cho giảng viên, cán bộ quản lý thực hiện tốt công việc của mình. Ngoài trừ những trường luật danh tiếng và khảng định uy tín với xã hội, các trường luật mới thường gặp phải những vấn đề về nguồn lực như sau:

Thứ nhất, nguồn lực giảng viên chỉ đáp ứng ở mức tối thiểu hoặc trên mức tối thiểu không đáng kể để đăng ký mở ngành và duy trì ngành đào tạo. Nguồn lực giảng viên tại chỗ được đào tạo, phát triển là không cao bởi quá nửa cơ sở đào tạo luật hiện nay là mới mở trong khoảng 10 năm trở lại đây¹⁷.

Thứ hai, chuyên môn của giảng viên chưa phân bổ đều để tự chủ đối với CTĐT. Đòi hỏi giảng viên cơ hữu đối với CTĐT sẽ ngày một cao hơn¹⁸ đang là một xu thế tất yếu để kiểm soát chất lượng đào tạo. Các cơ sở đào tạo luật mới đang là nhóm gặp bất lợi đối với yêu cầu này.

Thứ ba, tồn tại thực tế đội ngũ giảng viên có độ tuổi cao, là nhân sự hưu trí làm việc trong các cơ sở đào tạo luật mới. Nhân sự hưu trí sẽ hàm chứa một số rủi ro về động lực phấn đấu, bằng cấp có thể phù hợp nhưng chuyên môn có thể chưa đáp ứng tốt cho việc giảng dạy, tính năng động đã giảm sút và các vấn đề về sức khỏe có thể ảnh hưởng đến công việc¹⁹.

Thứ tư, khả năng thu hút nguồn lực giảng viên có chất lượng cao còn gặp nhiều rào cản. Có 02 rào cản chính: (i) cơ chế chi trả chưa đủ hấp dẫn để thu hút giảng viên luật chất lượng và (ii) triển vọng phát triển của các cơ sở đào tạo luật mới vẫn được coi là “ẩn số” trong dài hạn. “Hệ sinh thái” trường luật danh tiếng mang lại cho giảng viên không chỉ là sinh viên đầu vào chất lượng tốt, mà còn là môi trường nghiên cứu khoa học, tiếp cận với giới khoa học pháp lý, uy tín của danh xưng... nên rất khó thuyết

¹⁵ Đào Mạnh Điệp (2023), *Nhận diện một số kỹ năng cơ bản trong đào tạo nghề luật ở Việt Nam hiện nay*, Kỷ yếu “Hội thảo khoa học Nâng cao chất lượng đào tạo luật ở Việt Nam hiện nay”, Trường Đại học Cần Thơ, tr. 356 - 363.

¹⁶ Điều 16.1 Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học quy định: “*Chuẩn chương trình đào tạo phải được rà soát, chỉnh sửa, cập nhật định kỳ ít nhất một lần trong 05 năm. Trong trường hợp cần thiết, Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định rà soát, chỉnh sửa, cập nhật chuẩn chương trình đào tạo cho các ngành, khối ngành của từng lĩnh vực để đáp ứng yêu cầu thay đổi của khoa học, công nghệ và xu thế phát triển ngành đào tạo.*”

¹⁷ Việt Nam có khoảng 10 cơ sở đào tạo luật vào năm 2000, giai đoạn 2015 - 2016 con số này vào khoảng 50 cơ sở, thống kê gần nhất có đến 108 cơ sở đào tạo luật. Như vậy trong chưa đến 10 năm có đến hơn 50 cơ sở đào tạo luật tham gia thị trường đào tạo này.

¹⁸ Yêu cầu về đội ngũ giảng viên và nhân lực hỗ trợ trong Dự thảo chuẩn chương trình đào tạo khối ngành pháp luật trình độ đại học (tiểu mục 2.7) dự kiến “*Có ít nhất 01 (một) tiến sĩ ngành đúng với học phần giảng dạy là giảng viên cơ hữu có ít nhất 03 (ba) năm kinh nghiệm giảng dạy chủ trì giảng dạy mỗi thành phần cốt lõi của chương trình đào tạo.*”

¹⁹ Võ Khánh Linh (2023), *Tlđd*, tr. 61 - 62.

phục những giảng viên này chuyển công tác để sẵn sàng “phiêu lưu” với những cơ sở đào tạo luật mới. Việc thu hút nguồn lực giảng viên là người hành nghề luật trong thực tiễn cũng là vấn đề nan giải. Nguồn lực này có lợi thế giảng dạy kỹ năng thực hành luật tốt nhưng gặp khó khăn khi phải giảng dạy đầy đủ một học phần cho sinh viên, đặc biệt là vấn đề lý thuyết²⁰.

Thứ năm, nhân lực quản lý CTĐT luật. Kiểm định CTĐT đối với ngành luật đang trở thành một những tiêu chí dài hạn để đánh giá chất lượng đào tạo²¹, do đó, vai trò của người có chuyên môn xây dựng, quản lý và phát triển CTĐT là vô cùng lớn. Thực tế hiện nay cho thấy, mối quan tâm của giảng viên chỉ xoay quanh hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học và một số công việc hành chính, đoàn thể khác (nếu có) mà ít quan tâm tới xây dựng chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra, kiểm định...

Thứ sáu, ĐTLĐHƯD nhưng giảng viên lại không/ít hành nghề luật. Giảng viên luật muốn hành nghề nhưng không được “danh chính ngôn thuận” bởi “rào cản” pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức và luật luật sư. Đòi hỏi giảng viên luật có hoạt động thực tiễn là rất phù hợp với xu thế đào tạo luật hiện đại²² nhưng việc triển khai sẽ khó khăn nếu không có thay đổi trong quy định pháp luật. Giảng viên phải có hoạt động thực tiễn để đáp ứng tính thực tiễn trong giảng dạy, nhưng với cơ chế hiện tại để giảng viên tại trường đại học công vừa bảo đảm nhiệm vụ giảng dạy, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và hoạt động thực tiễn dường như là yêu cầu quá lớn?

Từ những phân tích trên, tác giả đề xuất một số khuyến nghị như sau:

Thứ nhất, khuyến nghị về công tác tuyển dụng/sử dụng cần hướng tới các trọng tâm như sau: (1) *Tuyển dụng/sử dụng nhân sự hưu trí* phải là những người giàu kinh nghiệm, có khả năng quản lý CTĐT, có năng lực nghiên cứu và đi sâu, hướng dẫn giảng viên trẻ kế cận, có khả năng kết nối nguồn lực, với quan điểm tiếp cận là *chỉ nên tuyển dụng/sử dụng nhân sự hưu trí đáp ứng với toàn bộ điều kiện nêu trên cho một định hướng phát triển lâu dài chứ không đơn thuần chỉ để tăng chỉ tiêu tuyển sinh*; (2) *Tuyển dụng/sử dụng giảng viên* phải là người có khả năng giảng dạy phù hợp, có khả năng phát triển bản thân, có khả năng nghiên cứu khoa học và duy trì thường xuyên, đặc biệt ưu tiên các giảng viên có khả năng hoạt động thực tiễn và hỗ trợ sinh viên thực hành pháp luật. Đối với giảng viên đồng thời triển khai hoạt động thực tiễn, nhà trường cần có cơ chế phù hợp để bảo đảm điều kiện làm việc của họ.

Thứ hai, khuyến nghị về *cơ chế chi trả phải được cải thiện theo hướng ngày càng nâng cao* vì: (1) giảng viên đại học là nghề xứng đáng được chi trả cao trong xã hội, đặc biệt là giảng viên đại học ngành luật - ngành đào tạo có hàm lượng trí tuệ cao; (2) yêu cầu kiểm soát chất lượng đào tạo luật ngày càng cao, như một lẽ tất yếu, đòi hỏi càng cao thì chi trả phải càng xứng đáng với công sức mà họ bỏ ra để đáp ứng với các điều kiện đó.

Thứ ba, các cơ sở đào tạo cần tạo điều kiện/cơ chế thuận lợi cho giảng viên luật có điều kiện hành nghề luật mà không bị vướng mắc với các quy định pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức và luật luật sư.

²⁰ Trần Việt Dũng (2023), *Phát triển đào tạo pháp luật trong bối cảnh hiện đại: làm sao để dạy sinh viên tư duy và giải quyết vấn đề như luật sư?*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học “Nâng cao chất lượng đào tạo luật ở Việt Nam hiện nay”, Trường Đại học Cần Thơ, tr. 201.

²¹ Xem: Quyết định số 1056/QĐ-TTg ngày 13 tháng 9 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Chương trình tăng cường kiểm soát và nâng cao chất lượng đào tạo cử nhân luật giai đoạn 2023 - 2030”. Quyết định đã nêu rõ mục tiêu (i) đến năm 2025, 80% chương trình đào tạo cử nhân luật đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục và (ii) đến năm 2030, 100% chương trình đào tạo cử nhân luật đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục.

²² Dự thảo chuẩn chương trình đào tạo khối ngành pháp luật trình độ đại học yêu cầu (tại mục 2.7) “*Giảng viên các học phần về pháp luật phải có hoạt động thực tiễn trong lĩnh vực pháp luật theo quy định*”.

2.3. Đào tạo luật theo định hướng ứng dụng - đào tạo như thế nào?

“Đào tạo như thế nào?” là cách thức triển khai CTĐT, việc dạy - học và tổ chức các hoạt động giáo dục thực hành pháp luật cho sinh viên. Nghiên cứu này đặc biệt quan tâm tới các phương thức đào tạo luật nhằm củng cố và nâng cao tư duy, kỹ năng của người học luật. Vì vậy, một số vấn đề được thảo luận tại đây bao gồm:

Thứ nhất, đào tạo gắn liền với nghề nghiệp được mô tả trong chuẩn đầu ra của CTĐT. Vấn đề then chốt là: *với yêu cầu chuẩn đầu ra phải có được khi tốt nghiệp, cử nhân luật sẽ phù hợp với lĩnh vực công việc pháp lý nào?* Nghiên cứu này ủng hộ quan điểm *định hướng ứng dụng phải gắn liền với định hướng nghề nghiệp*. Việc xác định nghề nghiệp không đơn thuần chỉ là một bản mô tả các công việc mà cử nhân luật có thể tiếp cận, mà điều đó phải chi phối CTĐT luật có thể cung cấp cho người học những gì để có lợi thế tiếp cận công việc trong bối cảnh cạnh tranh nghề luật đang rất gắt gao.

Thứ hai, rút ngắn thời gian học trên lớp trong chương trình ĐTLĐHUĐ là một vấn đề đáng cân nhắc. Mục đích của chương trình ĐTLĐHUĐ là ưu tiên tích lũy kỹ năng và khả năng nhanh chóng thích ứng với công việc thực tế, do đó sinh viên phải được trải nghiệm công việc thực tế ngay trong quá trình đào tạo. Quá trình ĐTLĐHUĐ *cần ưu tiên việc học qua thực tế chứ không đơn thuần học ở giảng đường, chú trọng việc trải nghiệm và tích lũy kiến*

thức, kỹ năng qua trải nghiệm. Khuyến nghị này không cố sù cho việc rút ngắn thời gian đào tạo.

Thứ ba, cách thức triển khai dạy - học của giảng viên và người học. Dạy cho sinh viên biết, hiểu luật và giải thích luật chưa phải là mục đích cuối cùng, mà phải dạy cho sinh viên “tư duy của người thực hành luật”²³, thông qua tư duy đó mới có thể cung cấp giải pháp pháp lý khả thi và khả năng hiện thực hóa nó cho thân chủ²⁴. Do đó đối với ĐTLĐHUĐ, việc dạy - học như thế nào phải giúp sinh viên tư duy và giải quyết vấn đề như một luật sư, hay như một người hành nghề luật, và điều này được thực hiện thông qua 03 nhóm kỹ năng thực hành luật là: (i) kỹ năng đọc và hiểu quy phạm pháp luật; (ii) kỹ năng tư duy phản biện pháp lý; (iii) kỹ năng giải quyết vấn đề²⁵.

Thứ tư, chuyên nghiệp hóa hoạt động thực hành pháp luật cho sinh viên. Đây là vấn đề mà các cơ sở đào tạo quan tâm và đưa ra thảo luận trong thời gian gần đây²⁶. Các trụ cột chính của mô hình giáo dục pháp thực hành xoay quanh: giảng dạy pháp luật cho cộng đồng, tư vấn và trợ giúp pháp lý, tham gia học phần thực hành luật tự chọn²⁷. Việc triển khai mô hình này một cách thuần thực với tư cách là một phần không thể thiếu trong CTĐT luật là thách thức không hề nhỏ đối với các cơ sở đào tạo luật mới, thậm chí là các trường luật danh tiếng hiện nay. Do đó, một số giải pháp để tăng cường hoạt động giáo dục thực hành pháp luật cho sinh viên luật cần được triển khai trong các cơ sở đào tạo đó là: (i) thiết kế đa dạng các hoạt động ngoài lớp học để

²³ Thuật ngữ này được sử dụng trong nhiều sách báo, có sự khác nhau trong những khuôn khổ nghiên cứu. Các thuật ngữ gần gũi với “tư duy của người thực hành luật” như “tư duy pháp lý”, “tư duy của luật sư”, “suy nghĩ kiểu luật sư”, “tư duy như một luật sư”. Khuôn khổ diễn đạt các thuật ngữ này có thể khác nhau trong các nghiên cứu, nhưng tựu chung lại đều được sử dụng nhằm ám chỉ về việc người học luật phải có tư duy pháp lý để phù hợp với các công việc pháp lý.

²⁴ Nguyễn Ngọc Bích (2019), *Tư duy pháp lý của Luật sư - Nhìn thật rộng và đánh tập trung*, Nxb. Trẻ, 2010. Tr.13-15.

²⁵ Trần Việt Dũng (2023), *Tlđđ*, tr.198 - 206.

²⁶ Trường Đại học Kinh tế quốc dân phối hợp với Trường Đại học Ngoại thương và Tổ chức BAPSEA CLE (Thái Lan) tổ chức hội thảo khoa học quốc gia về chủ đề “Thúc đẩy sự kết nối, phổ biến và bền vững trong giáo dục thực hành pháp luật tại Việt Nam” tổ chức ngày 28/10/2023.

²⁷ Lê Huỳnh Phương Chinh, Phạm Ngọc Lan Anh (2023), Vận dụng mô hình giáo dục pháp luật thực hành để nâng cao chất lượng đào tạo luật - thực tiễn tại Khoa Luật, Trường Đại học Cần Thơ, Kỳ yếu Hội thảo khoa học “Nâng cao chất lượng đào tạo luật ở Việt Nam hiện nay”, Trường Đại học Cần Thơ, tr. 382.

sinh viên có thể thực hành pháp luật và rèn luyện các kỹ năng mềm, kỹ năng hành nghề luật; (ii) đẩy mạnh các mô hình thực hành nghề nghiệp thông qua hoạt động phiên tòa giả định, tư vấn pháp luật cho cộng đồng, cuộc thi học thuật...; (iii) thành lập các trung tâm thực hành/tư vấn pháp luật trong các trường đại học có đào tạo ngành luật để sinh viên có nơi thực hành kỹ năng; (iv) tăng cường liên kết với các cơ quan nhà nước, đặc biệt là với các doanh nghiệp để gắn thực tiễn vào đào tạo...

Kết luận

Trong tương lai, có căn cứ để cho rằng số lượng các cơ sở đào tạo luật có thể giảm xuống khi những yêu cầu của Chính phủ về khối ngành này ngày càng khắt khe theo tinh thần của Ban Chỉ đạo Cải cách Tư pháp Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam. Với tinh thần “sắp xếp lại các cơ sở đào tạo luật”, chỉ những cơ sở đào tạo luật duy trì và bảo đảm chất lượng đào tạo mới có thể đứng vững và khẳng định uy tín với xã hội. Một trong những yếu tố quyết định chất lượng trong đào tạo luật đó là gắn kết với thực tiễn và định hướng nghề nghiệp rõ ràng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Ngọc Bích (2019), Tư duy pháp lý của Luật sư - nhìn thật rộng và đánh thật trung, Nxb. Trẻ.
2. Black-Branch, J.L. (2016), *Modern Legal Education: Towards Practice-Ready Attitudes, Attributes and Professionalism*, Manitoba Law Journal, 39(01).
3. Chaudhari, N.D. (2013), Enhancing the Standards of Legal Education, Bharati Law Review. Xem bản PDF tại: <http://docs.manupatra.in/newslines/articles/Upload/1716B4ED-8D4B-43DF-994A-234D3CC24FD6.pdf>
4. Lê Huỳnh Phương Chinh, Phạm Ngọc Lan Anh (2023), *Vận dụng mô hình giáo dục pháp luật thực hành để nâng cao chất lượng đào tạo luật - thực tiễn tại Khoa Luật, Trường Đại học Cần Thơ*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học “Nâng cao chất lượng đào tạo luật ở Việt Nam hiện nay”, Trường Đại học Cần Thơ.
5. Trần Việt Dũng (2023), *Phát triển đào tạo pháp luật trong bối cảnh hiện đại: làm sao để dạy sinh viên tư duy và giải quyết vấn đề như luật sư?*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học “Nâng cao chất lượng đào tạo luật ở Việt Nam hiện nay”, Trường Đại học Cần Thơ.
6. Đào Mộng Điệp (2023), *Nhận diện một số kỹ năng cơ bản trong đào tạo nghề luật ở Việt Nam hiện nay*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học “Nâng cao chất lượng đào tạo luật ở Việt Nam hiện nay”, Trường Đại học Cần Thơ.
7. Viên Thế Giang (2019), *Nhận diện những rào cản cho việc đổi mới tư duy pháp lý từ thực tiễn đào tạo cử nhân ngành luật ở Việt Nam*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học “Tiếp tục đổi mới tư duy pháp lý phục vụ sự nghiệp phát triển đất nước”, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
8. Phan Trung Hiền, Nguyễn Đắc Thắng (2023), *Nâng cao chất lượng đào tạo cử nhân luật ở Việt Nam hiện nay - từ thực tiễn Khoa Luật*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học “Nâng cao chất lượng đào tạo luật ở Việt Nam hiện nay”, Trường Đại học Cần Thơ.
9. Võ Khánh Linh (2023), *Đào tạo luật tại trường đại học tư ở Việt Nam: thách thức và triển vọng*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học “Nâng cao chất lượng đào tạo luật ở Việt Nam hiện nay”, Trường Đại học Cần Thơ.
10. Võ Khánh Linh (2023), *Các trụ cột của đào tạo luật định hướng ứng dụng - Một số khuyến nghị cho trường đại học ngoài công lập*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học “Đào tạo đại học ngành luật theo định hướng ứng dụng tại các trường đại học ngoài công lập ở Việt Nam”, Trường Đại học Thăng Long.
11. Lê Vũ Nam, Trương Trọng Hiếu (2023), *Giáo dục tiếp cận lý thuyết của vấn đề pháp lý và đào tạo kỹ năng nghề cho sinh viên luật*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học “Nâng cao chất lượng đào tạo luật ở Việt Nam hiện nay”, Trường Đại học Cần Thơ.